**SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG**

# ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU
# LUẬT CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

*Luật Chuyển đổi số được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025 (sau đây gọi chung là Luật Chuyển đổi số); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 90/2025/L-CTN ngày 15/12/2025;* ***có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026****.*

*Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 71/2025/QH15 và Luật số 84/2025/QH15) hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 48 của Luật Chuyển đổi số*[1].

## I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

### 1. Về cơ sở chính trị, pháp lý

Chủ trương của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số đã được xác lập nhất quán và thể hiện rõ trong các văn kiện chỉ đạo ở cấp độ cao nhất. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định các định hướng chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2021 -2030, trong đó nhấn mạnh "*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*", đồng thời đặt ra yêu cầu "*… đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo*.

[1] Khoản 1, khoản 2 Điều 48 Luật Chuyển đổi số quy định:

*"Điều 48. Điều khoản chuyển tiếp*

*1. Chiến lược, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã được phê duyệt và đang triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 cho đến khi kết thúc, trừ trường hợp các bên lựa chọn áp dụng Luật này.*

*2. Chứng chỉ công nghệ thông tin, chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin đã được cấp theo Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hết thời hạn ghi trên chứng chỉ."*

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo: "***Thể chế,*** *nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó* ***thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước***". Nghị quyết cũng xác định nhiệm vụ, giải pháp là "*Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một* ***lợi thế cạnh tranh*** *trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và* ***chuyển đổi số***".

Tại Văn bản số 04-TB/BCĐTW ngày 30/5/2025, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Ban Chỉ đạo) đã giao Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan đề xuất xây dựng dự án Luật Chuyển đổi số, trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV để thúc đẩy phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Tại Nghị quyết số 217/NQ-CP ngày 25/7/2025, Chính phủ đã thống nhất trình Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc bổ sung dự án Luật Chuyển đổi số vào chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2025.

Tại Nghị quyết số 96/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 21/8/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã đồng ý bổ sung dự án Luật Chuyển đổi số vào Chương trình lập pháp năm 2025 của Quốc hội, thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.

**2. Cơ sở thực tiễn**

- Hệ thống pháp luật liên quan đến chuyển đổi số đã có nhiều luật chuyên ngành như Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, Luật Viễn thông, Luật An toàn thông tin mạng…[2]. Tuy nhiên, còn khu trú, chưa được kết nối liền mạch để điều chỉnh một cách tổng thể các hoạt động chuyển đổi số quốc gia.

- Thực tiễn cần bổ sung các quy định mới để luật hóa các tư tưởng, điều chỉnh các khoảng trống pháp lý phát sinh trong quá trình 5 năm chuyển đổi số như: số hóa thế giới thực, kết nối thế giới thực và số thành một thế giới thống nhất, ngôn

[2](1) Luật Công nghệ thông tin 2006; (2) Luật An toàn thông tin mạng 2015; (3) Luật An ninh mạng năm 2018; (4) Luật Giao dịch điện tử năm 2023; (5) Luật Viễn thông năm 2023; (6) Luật Dữ liệu năm 2024; (7) Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025; (8) Luật Công nghiệp Công nghệ số năm 2025; (9) Luật Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025…

ngữ số, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng...

- Năm 2006, Quốc hội ban hành Luật Công nghệ thông tin (CNTT) hình thành khung pháp lý đầu tiên để điều chỉnh lĩnh vực này. Luật CNTT là một Luật tổng thể, điều chỉnh chung cho nhiều mảng của toàn bộ lĩnh vực CNTT như phát triển CNTT, ứng dụng CNTT, an toàn thông tin... Việc một Luật điều chỉnh tổng thể có lợi thế sẽ giúp đồng bộ trong hệ thống pháp luật; tuy nhiên, điều này cũng sẽ phát sinh một số hạn chế như luật quá rộng khó đi vào chi tiết, thiếu sự linh hoạt, chuyên sâu, dẫn đến khó tạo ra sự phát triển bứt phá trong bối cảnh CNTT, công nghệ số thay đổi phát triển nhanh như hiện nay. Do đó cần thiết phải xây dựng các Luật chuyên ngành để quản lý, giúp phát triển thuận lợi hơn, hiệu quả hơn, nhanh hơn.

Xu hướng chung của các nước trên thế giới cũng là xây dựng các Luật chuyên sâu cho một số lĩnh vực cần tập trung phát triển như Đạo luật Thị trường kỹ thuật số (Digital Markets Act - DMA), Đạo luật Dịch vụ Kỹ thuật số (Digital Services Act - DSA); Đạo luật về Trí tuệ Nhân tạo (AI Act), Đạo Luật Kinh tế số (Digital Economy Act); Đạo luật Thúc đẩy chuyển đổi số công nghiệp (Industrial digital transformation promotion act)… Thực tiễn Việt Nam cũng nằm trong xu thế này, cụ thể: Nội dung về an toàn thông tin đã được tách ra và xây dựng thành Luật An toàn thông tin mạng (2015), Luật An ninh mạng (2018) và các văn bản hướng dẫn chi tiết; Nội dung liên quan đến phát triển CNTT, biện pháp bảo đảm phát triển CNTT được thay thế, bãi bỏ bởi Luật Công nghiệp công nghệ số (2025); Nội dung liên quan cơ sở hạ tầng thông tin, giải quyết tranh chấp xử lý vi phạm đã được quy định, điều chỉnh bởi Luật Viễn thông (2023); Một số nội dung liên quan đến ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước được được quy định và điều chỉnh bởi Luật Giao dịch điện tử (2023).

Tuy nhiên, sau gần 20 năm thi hành, Luật Công nghệ thông tin năm 2006, đã bộc lộ nhiều hạn chế, không theo kịp sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới (Trí tuệ nhân tạo, Dữ liệu lớn, Internet vạn vật, Điện toán đám mây, Chuỗi khối, mô hình kinh doanh mới...). Mặt khác, hệ thống pháp luật còn những khoảng trống pháp lý, còn nhiều nội dung chưa được điều chỉnh hoặc đã được điều chỉnh một phần ở nhiều văn bản khác nhau, như: số hóa thế giới thực; hạ tầng cho chuyển đổi số; chuyển đổi số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, chính

phủ số; kinh tế số nền tảng; quyền công dân trên môi trường số; văn hóa số...[3].

Từ các chủ trương, định hướng, thực tiễn thi hành nêu trên, việc ban hành Luật Chuyển đổi số để hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, tổng thể điều chỉnh và thúc đẩy quá trình Chuyển đổi số quốc gia.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

### 1. Mục đích

Việc xây dựng Luật Chuyển đổi số là cần thiết nhằm đạt các mục tiêu chủ yếu sau đây:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về chuyển đổi số quốc gia, tạo hệ thống pháp lý liên ngành về chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực.

- Điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia các hoạt động trên môi trường số; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số toàn diện; tăng cường hợp tác quốc tế và hội nhập.

### 2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng luật

- Thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước (đặc biệt Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024), phù hợp với Hiến pháp, tạo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Là luật khung, tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành còn phù hợp về công nghệ thông tin, kết nối các luật hiện hành, đồng thời bổ sung khoảng trống pháp lý về Chuyển đổi số để hình thành hành lang pháp lý đồng bộ, tổng thể điều chỉnh và thúc đẩy quá trình Chuyển đổi số quốc gia.

- Không quy định lại nội dung đã được pháp luật khác quy định, không làm thay đổi về trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ, ngành.

---

[3] (1) Số hóa thế giới thực, kết nối thế giới thực và số thành một thế giới thống nhất; (2) Chuyển đổi số (khác với ứng dụng công nghệ thông tin), các hoạt động chuyển đổi số; (3) Hạ tầng cho chuyển đổi số, thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; (4) Chuyển đổi số cơ quan trong hệ thống chính trị, Chính phủ số: định hướng, yêu cầu; khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; nền tảng số dùng chung bảo đảm không chồng chéo, hiệu quả; dịch vụ công trực tuyến toàn trình; (5) Kinh tế số: khái niệm, các thành phần; quản lý nền tảng số; quản lý cạnh tranh trong kinh tế số; phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực; (6) Xã hội số: quyền của công dân trên môi trường số; chính sách phổ cập các điều kiện và dịch vụ cơ bản; ngôn ngữ số; thu hẹp khoảng cách số; bảo vệ trẻ em trên môi trường số; văn hóa số, khung ứng xử văn minh trên môi trường số; cơ chế quản lý, giám sát, đo lường; (7) Nhân lực số, kỹ năng số; (8) Tài chính cho chuyển đổi số; (9) Tiêu chuẩn, quy chuẩn cho chuyển đổi số; (10) Làm chủ công nghệ chuyển đổi số; (11) Dữ liệu liên bộ, ngành phục vụ chuyển đổi số; (12) Bảo đảm an toàn môi trường số; (13) Chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; (14) Thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá hiệu quả chuyển đổi số;...

- Tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn về xu thế phát triển của chuyển đổi số của một số quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**II. BỐ CỤC CỦA LUẬT CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025**

Luật Chuyển đổi số năm 2025 *(sau đây gọi là Luật năm 2025)* gồm 08 chương, 48 điều *(giảm 02 chương và 31 điều so với Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 71/2025/QH15 và Luật số 84/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Công nghệ thông tin))*, cụ thể như sau:

**1. Chương I: Những quy định chung.** Gồm 05 điều *(từ Điều 1 đến Điều 5)*, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Giải thích từ ngữ; (4) Hoạt động chuyển đổi số; (5) Các hành vi bị nghiêm cấm.

**2. Chương II: Nguyên tắc, chính sách về chuyển đổi số**. Gồm 05 điều *(từ Điều 6 đến Điều 10)*, quy định về: (1) Nguyên tắc chuyển đổi số; (2) Nguyên tắc kiến trúc và thiết kế hệ thống số; (3) Yêu cầu tối thiểu đối với hệ thống số; (4) Chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số; (5) Hợp tác quốc tế về chuyển đổi số.

**3. Chương III: Điều phối quốc gia về chuyển đổi số**. Gồm 04 điều *(từ Điều 11 đến Điều 14)*, quy định về: (1) Nội dung quản lý nhà nước về chuyển đổi số; (2) Chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số; (3) Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; (4) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho chuyển đổi số.

**4. Chương IV: Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân**. Gồm 02 điều *(Điều 15, Điều 16)*, quy định về: (1) Phân công trách nhiệm trong quản lý nhà nước về chuyển đổi số; (2) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong chuyển đổi số.

**5. Chương V: Biện pháp bảo đảm chuyển đổi số**. Gồm 05 mục, cụ thể:

***- Mục 1: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số***, gồm 03 điều *(từ Điều 17 đến Điều 19)*, quy định về: (1) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số; (2) Thu hút, trọng dụng chuyên gia về chuyển đổi số; (3) Ưu đãi cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số.

***- Mục 2: Tài chính cho chuyển đổi số,*** gồm 02 điều *(Điều 20, Điều 21)*, quy định về: (1) Nguồn tài chính cho chuyển đổi số; (2) Chi ngân sách nhà nước

cho chuyển đổi số.

***- Mục 3: Phát triển hạ tầng chuyển đổi số,*** gồm 03 điều *(từ Điều 22 đến Điều 24)*, quy định về: (1) Hạ tầng chuyển đổi số, (2) Phát triển trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; (3) Phát triển hạ tầng truyền dẫn cho kết nối máy tới máy.

***- Mục 4: Phát triển hệ thống số, nền tảng số dùng chung quốc gia,*** gồm 02 điều *(Điều 25, Điều 26)*, quy định về: (1) Phát triển hệ thống số dùng chung quốc gia; (2) Nền tảng số dùng chung của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

***- Mục 5: Các biện pháp bảo đảm khác,*** gồm 04 điều *(từ Điều 27 đến Điều 30)*, quy định về: (1) Bảo đảm an ninh mạng, (2) Thử nghiệm có kiểm soát; (3) Thúc đẩy phát triển và ứng dụng bản sao số; (4) Thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá hiệu quả chuyển đổi số

**6. Chương VI: Chính phủ số.** Gồm 05 điều *(từ Điều 31 đến Điều 36)*, quy định về: (1) Hoạt động của Chính phủ số; (2) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến; (3) Liên thông, tích hợp và khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; (4) Bảo đảm chất lượng dịch vụ công trực tuyến; (5) Khả năng tiếp cận toàn dân trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

**7. Chương VII: Kinh tế số, xã hội số.** Gồm 02 mục, cụ thể:

***- Mục 1: Kinh tế số***, gồm 04 điều *(từ Điều 36 đến Điều 39)*, quy định về: (1) Phát triển kinh tế số; (2) Chính sách phát triển kinh tế số đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; (3) Trách nhiệm của chủ quản hệ thống số, nền tảng số; (4) Thống kê và báo cáo về kinh tế số.

***- Mục 2: Xã hội số,*** gồm 06 điều *(từ Điều 40 đến Điều 45)*, quy định về: (1) Phát triển xã hội số; (2) Quyền con người, quyền công dân trên môi trường số; (3) Thu hẹp khoảng cách số; (4) Bảo đảm môi trường số an toàn, phù hợp với trẻ em; (5) Hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật trong chuyển đổi số; (6) Văn hóa số.

**8. Chương VIII: Điều khoản thi hành.** Gồm 03 điều *(từ Điều 46 đến Điều 48)*, quy định về: (1) Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm của các luật có liên quan; (2) Hiệu lực thi hành; (3) Điều khoản chuyển tiếp.

## III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

### 1. Những quy định chung (Chương I)

#### *1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)*

Nhằm đảm bảo phù hợp với định hướng xây dựng Luật chỉ *"quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc..."*; Luật Chuyển đổi số quy định về chuyển đổi số, bao gồm nguyên tắc, chính sách về chuyển đổi số; điều phối quốc gia về chuyển đổi số; biện pháp bảo đảm chuyển đổi số; Chính phủ số; kinh tế số, xã hội số; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong chuyển đổi số.

Các nội dung thuộc lĩnh vực dữ liệu, giao dịch điện tử, an ninh mạng, viễn thông, trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực chuyên ngành khác được thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng và phải bảo đảm thống nhất với nguyên tắc, yêu cầu quy định tại Luật này.

***1.2. Áp dụng pháp luật (Điều 2)***

Luật Chuyển đổi số áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến chuyển đổi số tại Việt Nam.

***1.3. Giải thích từ ngữ (Điều 3)***

Lần đầu tiên "luật hóa" các khái niệm nền tảng về chuyển đổi số, từ chuyển đổi số, hệ thống số, dữ liệu số, hạ tầng số, nền tảng số đến Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số tại Luật Chuyển đổi số, cụ thể:

- *Chuyển đổi số* là quá trình chuyển đổi phương thức hoạt động, quản trị và cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số, dữ liệu số, hệ thống số, nền tảng số, quy trình số nhằm tạo ra giá trị mới, hiệu quả và minh bạch.

- *Hạ tầng số* là tập hợp các hệ thống kỹ thuật, kết nối, điện toán, lưu trữ và các thành phần công nghệ số bảo đảm cho hoạt động trên môi trường số, bao gồm cơ sở hạ tầng viễn thông, hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và hạ tầng truyền dẫn cho kết nối máy tới máy.

- *Hệ thống số* là sự phát triển của hệ thống thông tin, bao gồm các thành phần công nghệ số, dữ liệu số, nền tảng số, phần mềm, phần cứng, thuật toán, mô hình xử lý và thiết bị kết nối được tổ chức để tạo lập, xử lý, lưu trữ, kết nối và vận hành dịch vụ số hoặc quy trình số; bao gồm cả trường hợp hoạt động điều hành theo thời gian thực.

- *Nền tảng số* là hệ thống thông tin nhằm tạo môi trường số cho phép các bên thực hiện giao dịch hoặc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc sử dụng để phát triển sản phẩm, dịch vụ.

- *Quy trình số* là chuỗi hoạt động hoặc thao tác nghiệp vụ được thực hiện, xử lý và kiểm soát bằng phương tiện điện tử trên môi trường số.

- *Môi trường số* là không gian hoạt động, tương tác, giao dịch và cung cấp dịch vụ được hình thành và vận hành thông qua hạ tầng số, hạ tầng số công cộng, hệ thống số, nền tảng số và dữ liệu số.

- *Chính phủ số* là mô hình để tổ chức và vận hành các hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường số, dựa trên dữ liệu số, hạ tầng số, hạ tầng số công cộng, hệ thống số và nền tảng số để ra quyết định kịp thời, điều hành hiệu quả, bảo đảm minh bạch và kết nối, liên thông với tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- *Kinh tế số* là hoạt động kinh tế dựa trên dữ liệu số, hạ tầng số, hạ tầng số công cộng, hệ thống số, nền tảng số và mô hình vận hành số.

- *Xã hội số* là xã hội trong đó cá nhân, tổ chức chủ yếu hoạt động, tương tác thông qua dịch vụ số, hệ thống số, nền tảng số và môi trường số.

- *Dịch vụ số* là dịch vụ được cung cấp trên môi trường số.

- *Công dân số* là cá nhân có khả năng truy cập, sử dụng, tham gia các hoạt động trên môi trường số một cách an toàn, hiệu quả theo quy định của pháp luật.

- *Năng lực số* là tập hợp kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ số để tham gia an toàn, hiệu quả, có trách nhiệm vào các hoạt động trên môi trường số.

- *Nhân lực số* là lực lượng lao động trong mọi ngành, lĩnh vực có năng lực số để tham gia hoạt động chuyển đổi số.

- *Khoảng cách số* là sự chênh lệch giữa các nhóm đối tượng, tổ chức, cá nhân về năng lực số, điều kiện, khả năng tiếp cận, sử dụng và hưởng lợi từ hạ tầng số, hạ tầng số công cộng, công nghệ số, nền tảng số, dữ liệu số.

***1.4. Hoạt động chuyển đổi số (Điều 4)***

Luật Chuyển đổi số quy định **12** hoạt động chuyển đổi số, như:

- Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, kiến trúc, quy chế, yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về chuyển đổi số; quản lý, điều phối, thống kê, đo lường, giám sát, kiểm toán hoạt động chuyển đổi số; đánh giá mức độ chuyển đổi số, hiệu quả chuyển đổi số.

- Xây dựng, phát triển, nâng cấp, tích hợp, kết nối, quản lý, giám sát, vận hành, bảo trì, duy trì hạ tầng số, hạ tầng số công cộng, hệ thống số, nền tảng số, phần mềm dùng chung, phần mềm chuyên ngành, cơ sở dữ liệu.

- Nghiên cứu, thử nghiệm, thí điểm, đánh giá, triển khai ứng dụng sản phẩm, dịch vụ số, mô hình và giải pháp mới về chuyển đổi số; thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong chuyển đổi số.

- Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực số; phổ cập năng lực số cơ bản.

- Truyền thông, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; hướng dẫn và hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiếp cận, sử dụng dịch vụ số và tham gia hoạt động trên môi trường số.

- Hoạt động chuyển đổi số khác theo quy định của Chính phủ.

***1.5. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 5)***

Luật Chuyển đổi số quy định **5** hành vi bị nghiêm cấm, gồm:

**(1)** Cản trở, phá hoại hoạt động chuyển đổi số; làm gián đoạn, đình trệ, gây mất an toàn cho hệ thống số của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**(2)** Truy cập, can thiệp trái phép, làm sai lệch, vô hiệu hóa, gây tổn hại đến hệ thống số, dữ liệu số, nền tảng số và dịch vụ số.

**(3)** Thu thập, sử dụng, chia sẻ, mua, bán, khai thác dữ liệu số trái quy định của pháp luật.

**(4)** Lợi dụng chuyển đổi số để lừa đảo, thao túng, trục lợi, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**(5)** Lợi dụng chức trách, quyền hạn để gây cản trở, phân biệt đối xử, tạo độc quyền, cát cứ, hạn chế cạnh tranh trong phát triển, vận hành, khai thác hệ thống số.

**2. Nguyên tắc, chính sách về chuyển đổi số (Chương II)**

***2.1. Nguyên tắc chuyển đổi số***

Nhấn mạnh lấy người sử dụng là trung tâm, Luật Chuyển đổi số năm 2025 quy định **8** nguyên tắc chuyển đổi số như sau:

*Một là,* Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, lấy người sử dụng làm trung tâm, nâng cao chất lượng dịch vụ và tạo giá trị mới cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

*Hai là,* Tăng cường kết nối, chia sẻ và sử dụng lại dữ liệu, khai báo một lần là mặc định để nâng cao hiệu quả quản lý, hạn chế trùng lặp, giảm thủ tục và nâng cao năng lực ra quyết định.

*Ba là,* Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư theo quy định của pháp luật; khuyến khích áp dụng các biện pháp tiên tiến để nâng cao mức độ an toàn.

*Bốn là,* Được triển khai linh hoạt, thích ứng với sự phát triển nhanh của công nghệ; khuyến khích thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới phù hợp với đặc thù từng lĩnh vực.

*Năm là,* Bảo đảm tính bao trùm, tạo điều kiện để mọi tổ chức và cá nhân đều có cơ hội tiếp cận, sử dụng dịch vụ số thuận lợi, an toàn và hiệu quả.

*Sáu là,* Bảo đảm minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với quyết định dựa trên công nghệ số nhằm nâng cao niềm tin của người sử dụng.

*Bảy là,* Khuyến khích gắn chuyển đổi số với hoạt động đo lường, đánh giá, giám sát và cải thiện liên tục để nâng cao hiệu quả triển khai và chất lượng dịch vụ.

*Tám là,* Cơ quan nhà nước có trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc chuyển đổi số. Nhà nước khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước áp dụng các nguyên tắc quy định tại Điều này trong hoạt động của mình.

***2.2. Chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số***

Luật Chuyển đổi số quy định **12** chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số, như sau:

**(1)** Phát triển hạ tầng chuyển đổi số thống nhất, an toàn, tin cậy và có khả năng mở rộng, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ và cung cấp dịch vụ số.

**(2)** Thúc đẩy hình thành và phát triển dữ liệu số, bảo đảm khả năng truy cập, chia sẻ, sử dụng lại và khai thác dữ liệu số theo quy định của pháp luật.

**(3)** Khuyến khích phát triển và sử dụng nền tảng số dùng chung, nền tảng số mở và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ quản trị, cung cấp dịch vụ và phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm khả năng tiếp cận và thụ hưởng bình đẳng trong chuyển đổi số, đặc biệt là trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, lao động, việc làm và an sinh xã hội.

**(4)** Bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu trong hoạt động chuyển đổi số; phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên môi trường số.

**(5)** Khuyến khích đổi mới sáng tạo, thử nghiệm có kiểm soát và ứng dụng công nghệ số mới nhằm nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ và phát triển sản phẩm, dịch vụ số.

**(6)** Thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện chuyển đổi số; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp hoạt động tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

**(7)** Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống số, nền tảng số, đặc biệt là nền tảng số trung gian có quy mô lớn, rất lớn nhằm bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, an toàn, minh bạch trên môi trường số.

**(8)** Bảo đảm điều phối thống nhất giữa các Bộ, ngành, địa phương; hoàn thiện cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số; tránh phân tán nguồn lực, trùng lặp hệ thống số, nền tảng số và dữ liệu số.

**(9)** Thu hút, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao; phổ cập, phát triển năng lực số cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; bảo đảm khả năng triển khai, vận hành và thụ hưởng lợi ích từ chuyển đổi số an toàn, bền vững; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, chuyển đổi nghề nghiệp đối với lực lượng lao động bị ảnh hưởng hoặc mất việc làm do quá trình chuyển đổi số.

**(10)** Phát triển công dân số, thúc đẩy các điều kiện tiếp cận, sử dụng công bằng dịch vụ số cơ bản, tối thiểu bao gồm danh tính điện tử, năng lực số cơ bản, chứng thư chữ ký số theo pháp luật về giao dịch điện tử, dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ viễn thông cơ bản theo pháp luật về viễn thông, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo pháp luật về ngân hàng.

**(11)** Hỗ trợ phát triển hạ tầng chuyển đổi số, thu hẹp khoảng cách số; hỗ trợ tiếp cận, khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng chuyển đổi số, thiết bị công nghệ số, năng lực số; nâng cao năng lực tiếp cận thông tin, tri thức chuyển đổi số cho người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, người dân sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, các nhóm dễ bị tổn thương khác trong xã hội theo quy định của pháp luật.

**(12)** Cơ quan nhà nước công khai, minh bạch các kế hoạch chuyển đổi số ngay sau khi phê duyệt để tạo cơ hội cho các thành phần kinh tế tham gia thị trường chuyển đổi số; khuyến khích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số do doanh nghiệp Việt Nam sản xuất, làm chủ công nghệ; thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, giải quyết các nhiệm vụ quan trọng của quốc gia.

**3. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực số, thu hút, trọng dụng chuyên gia về chuyển đổi số**

Luật Chuyển đổi số năm 2025 quy định năng lực số *(là tập hợp kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ số để tham gia an toàn, hiệu quả, có trách nhiệm vào các hoạt động trên môi trường số)* - là nội dung bắt buộc trong các chương trình giáo dục, đào tạo theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Đồng thời, quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về chuyển đổi số ban hành, cập nhật Khung năng lực số làm cơ sở cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân tích, tổng hợp thông tin về nguồn nhân lực số; Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập năng lực số cơ bản cho các đối tượng thuộc thẩm quyền.

Nhà nước thực hiện cơ chế, chính sách đặc biệt nhằm thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhân tài, nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghiệp công nghệ số và pháp luật khác có liên quan.

Cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước được phép chủ động lựa chọn hình thức và thời hạn giao kết với các nhân sự và chuyên gia trong nước, nước ngoài; doanh nghiệp nhà nước được hợp tác, trao đổi, sử dụng chuyên gia và nhân sự phục vụ hoạt động chuyển đổi số

**4. Ưu đãi cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số**

- Cơ quan thuộc hệ thống chính trị thực hiện chế độ đãi ngộ đặc thù cho người làm công tác chuyển đổi số, bao gồm:

+ Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị được giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chuyển đổi số của các cơ quan ở Trung ương, tỉnh, thành phố;

+ Người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an ninh mạng trong cơ quan trong hệ thống chính trị; tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các vị trí việc làm khác liên quan đến chuyển đổi số.

- Các hình thức đãi ngộ bao gồm tiền lương, phụ cấp, điều kiện làm việc, cơ hội phát triển nghề nghiệp và các hình thức khen thưởng khác.

**5. Quy định về hoạt động của Chính phủ số: Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp dịch vụ công, quản trị nội bộ và điều hành trên môi trường số**

Điều 31 Luật Chuyển đổi số năm 2025 quy định về hoạt động của Chính phủ số, như sau:

- Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện cung cấp dịch vụ công, công tác quản trị nội bộ, chỉ đạo, điều hành, giám sát, kiểm tra thực hiện toàn trình trên môi trường số, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; có phương án xử lý trong tình huống khẩn cấp hoặc xảy ra sự cố làm gián đoạn hoạt động trên môi trường số và phương án ứng phó, khắc phục sự cố, duy trì hoạt động bình thường.

- Hoạt động chỉ đạo, điều hành, ra quyết định được thực hiện dựa trên dữ liệu số đầy đủ, chính xác, kịp thời.

- Quy trình nghiệp vụ phải được rà soát, chuẩn hóa, tái cấu trúc và đơn giản hóa trước khi thực hiện số hóa; bảo đảm tinh gọn, không trùng lặp, tăng cường tự động hóa và không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu số hợp lệ đã được cung cấp.

- Tuân thủ nguyên tắc chuyển đổi số theo quy định.

**6. Phát triển kinh tế số**

Phát triển kinh tế số là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nhằm thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, bao trùm và hiệu quả dựa trên hệ thống số, nền tảng số, công nghệ số và dữ liệu số. Đồng thời, Luật bổ sung quy định cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số, tham gia vào chuỗi giá trị kinh tế số với kỳ

vọng đóng góp cho mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tới, trong đó ưu tiên cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đáp ứng một trong những tiêu chí sau: **(i)** Hoạt động tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; **(ii)** Hoạt động trong các ngành, lĩnh vực được ưu tiên chuyển đổi số theo Chiến lược quốc gia về Chuyển đổi số, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia.

**7. Phát triển xã hội số; thu hẹp khoảng cách số**

Phát triển xã hội số nhằm tạo lập môi trường làm việc, học tập, tương tác bảo đảm tổ chức, cá nhân được tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng lợi ích từ chuyển đổi số một cách thuận tiện, an toàn và hiệu quả trên môi trường số.

Luật Chuyển đổi số đã quy định **8** quyền con người, quyền công dân trên môi trường số, như sau:

- Quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và không bị phủ nhận chỉ vì được thực hiện trên môi trường số.

- Đăng ký, sử dụng và quản lý tài khoản danh tính điện tử, tài khoản giao dịch điện tử, chữ ký số theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử, giao dịch điện tử.

- Được bảo vệ dữ liệu cá nhân theo pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Được phổ cập năng lực số cơ bản.

- Được lựa chọn sử dụng hoặc ngừng sử dụng sản phẩm, dịch vụ số trên cơ sở được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, chính xác, minh bạch, kịp thời về điều khoản, điều kiện sử dụng; không bị áp đặt điều kiện bất hợp lý hoặc bị phân biệt đối xử khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ số.

- Được bảo đảm điều kiện tiếp cận công bằng, an toàn, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương trên môi trường số.

- Được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền hợp pháp trên môi trường số.

- Được bảo đảm các quyền lợi của công dân số theo quy định của pháp luật có liên quan.

Ngoài ra, Luật quy định chính sách thu hẹp khoảng cách số, ưu tiên bố trí nguồn lực gồm nguồn vốn đầu tư và các hình thức hỗ trợ tài chính để thu hẹp khoảng cách số; bảo đảm bố trí nguồn lực cao hơn mức trung bình của cả nước

đối với khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cấp miễn phí chứng thư chữ ký số công cộng cho người dân phù hợp với địa bàn, đối tượng và thời gian trong Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, Chương trình chuyển đổi số quốc gia quy định.

**8. Quy định về chính sách bảo đảm, hỗ trợ một số đối tượng trong môi trường số**

*- Đối với trẻ em:*

+ Luật Chuyển đổi số quy định quyền của trẻ em được bảo vệ, bảo đảm an toàn, lành mạnh trên môi trường số ngay từ giai đoạn thiết kế sản phẩm và dịch vụ số.

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tổ chức xây dựng, công bố, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, dịch vụ bảo vệ trẻ em trên môi trường số; cơ chế giám sát, cảnh báo và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại hoặc cung cấp thông tin gây hại đến trẻ em trên môi trường số phù hợp với yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực được phân công.

+ Gia đình, nhà trường có trách nhiệm chủ động giáo dục, hướng dẫn trẻ em về năng lực số và hành vi ứng xử trên môi trường số; giám sát thời gian, nội dung truy cập và lựa chọn cho phép các hoạt động trực tuyến của trẻ em trên môi trường số.

+ Sản phẩm nội dung số mang nội dung không có lợi cho trẻ em phải có dấu hiệu cảnh báo.

*- Đối với người cao tuổi, người khuyết tật:*

+ Người cao tuổi và người khuyết tật được Nhà nước ưu tiên hỗ trợ trong quá trình tham gia, sử dụng sản phẩm, dịch vụ số, bao gồm các nội dung sau: Được miễn, giảm phí xác thực điện tử, phí thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo quy định của pháp luật; Được tư vấn, hướng dẫn khi thực hiện giao dịch điện tử liên quan đến thủ tục hành chính, y tế, bảo hiểm và an sinh xã hội; Được hỗ trợ tham gia các chương trình phổ cập, bồi dưỡng năng lực số cơ bản được thiết kế phù hợp với người cao tuổi và người khuyết tật.

+ Doanh nghiệp được khuyến khích tham gia phát triển, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số đáp ứng tiêu chuẩn hỗ trợ tiếp cận đối với người cao tuổi và người khuyết tật theo quy định của pháp luật.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ và thúc đẩy chuyển đổi số đối với người cao tuổi và người khuyết tật trên địa bàn; bảo đảm điều kiện tiếp cận thuận lợi, an toàn và phù hợp với nhu cầu của nhóm đối tượng này.

**9. Văn hóa số**

- Luật Chuyển đổi số quy định văn hóa số là các giá trị, chuẩn mực, hành vi ứng xử, hoạt động sáng tạo và chia sẻ nội dung văn hóa trên môi trường số phù hợp với quy định của pháp luật và truyền thống văn hóa Việt Nam.

- Đồng thời quy định trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

+ Ban hành và tổ chức thực hiện Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số;

+ Xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, duy trì và hướng dẫn khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa.

- Ngoài ra, quy định Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, cá nhân sáng tạo, sản xuất và phân phối sản phẩm nội dung số bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp với truyền thống văn hóa Việt Nam.

**10. Điều khoản thi hành (Chương VIII)**

***10.1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm của các luật có liên quan (Điều 46)***

- Bổ sung *"Thực hiện hoạt động chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về chuyển đổi số;"* trong quy định về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

- Bãi bỏ quy định về *"Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số quy định tại điểm a khoản 4 Điều này bao gồm Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số; khung kiến trúc số của các cơ quan, tổ chức."* của Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15.

***10.2. Hiệu lực thi hành (Điều 47)***

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

***10.3. Hiệu lực thi hành (Điều 48)***

- Chiến lược, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã được phê duyệt và đang triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 cho đến khi kết thúc, trừ trường hợp các bên lựa chọn áp dụng Luật này.

- Chứng chỉ công nghệ thông tin, chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin đã được cấp theo Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hết thời hạn ghi trên chứng chỉ.

- Đối với các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 đã được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm rà soát, công bố hoặc trình cấp có thẩm quyền công bố việc tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (NPThúy).

**SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG**